

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình
Đường từ Trung tâm thành phố Thanh Hóa nối với đường giao thông
từ Cảng hàng không Thọ Xuân đi Khu kinh tế Nghi Sơn**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi một số
điều Luật Xây dựng ngày 28 tháng 6 năm 2020;*

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

*Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng
4 năm 2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; số
06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 quy định chi tiết một số nội dung
về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số
32/2015/NĐ-CP ngày 25 tháng 3 năm 2015, số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng
02 năm 2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 15/2021/NĐ-CP ngày 03
tháng 3 năm 2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư;*

*Căn cứ các Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh: số 865/QĐ-UBND ngày
09 tháng 3 năm 2018 phê duyệt dự án đầu tư xây dựng; số 4599/QĐ-UBND
ngày 05 tháng 11 năm 2019 phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng; số
5441/QĐ-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2019 phê duyệt điều chỉnh cơ cấu các
khoản mục chi phí trong tổng mức đầu tư xây dựng dự án Đường từ Trung tâm
thành phố Thanh Hóa nối với đường giao thông từ Cảng hàng không Thọ Xuân
đi Khu kinh tế Nghi Sơn;*

*Theo đề nghị của Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 2965/TTr-SGTVT
ngày 10 tháng 6 năm 2022 về việc phê duyệt điều chỉnh dự án Đường từ Trung tâm
thành phố Thanh Hóa nối với đường giao thông từ Cảng hàng không Thọ Xuân đi
Khu kinh tế Nghi Sơn; kèm theo hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án và báo
cáo kết quả thẩm định số 2943 /SGTVT-TĐKHKT ngày 09 tháng 6 năm 2022.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh dự án Đường từ Trung tâm thành phố Thanh
Hóa nối với đường giao thông từ Cảng hàng không Thọ Xuân đi Khu kinh tế
Nghi Sơn với những nội dung chủ yếu sau:

1. Khái quát về dự án

- Dự án Đường từ Trung tâm thành phố Thanh Hóa nối với đường giao thông từ Cảng hàng không Thọ Xuân đi Khu kinh tế Nghi Sơn được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 865/QĐ-UBND ngày 09/3/2018, phê duyệt điều chỉnh dự án tại Quyết định số 4599/QĐ-UBND ngày 05/11/2019; điều chỉnh cơ cấu tổng mức đầu tư tại Quyết định số 5441/QĐ-UBND ngày 23/12/2019 với Tổng mức đầu tư là **1.484,970 tỷ đồng**, trong đó:

+ Chi phí giải phóng mặt bằng:	530.485 triệu đồng.
+ Chi phí xây dựng:	768.958 triệu đồng.
+ Chi phí quản lý dự án:	8.368 triệu đồng.
+ Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	29.390 triệu đồng.
+ Chi phí khác:	63.610 triệu đồng.
+ Chi phí dự phòng:	84.159 triệu đồng.

- Phạm vi và quy mô đầu tư xây dựng:

+ Phạm vi xây dựng: Điểm đầu tại nút giao ngã ba Nhồi, giao với Quốc lộ 47 tại Km21+662 và Quốc lộ 45 tại Km76+600 thuộc địa phận phường An Hưng, thành phố Thanh Hóa; điểm cuối Km11+223 tại nút giao Nỗ Hên, giao với đường từ Cảng hàng không Thọ Xuân đi Khu kinh tế Nghi Sơn tại Km23+532 và Đường tỉnh 517 tại Km11+250, thuộc địa phận xã Đồng Lợi, huyện Triệu Sơn.

+ Quy mô đầu tư: Nền đường có $B_n=(41-43)m$; mặt đường bê tông nhựa chặt, móng đường bằng cấp phối đá dăm, cường độ mặt đường $E_{yc} \geq 160Mpa$; tần suất thủy văn $P=2\%$ đối với nền đường, cống, cầu nhỏ và $P=1\%$ đối với cầu trung, cầu lớn; tải trọng thiết kế cầu HL93 và người đi bộ $3 \times 10^{-3}Mpa$; tải trọng thiết kế cống, rãnh thoát nước H30-XB80.

- Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách tỉnh và các nguồn huy động hợp pháp khác.

- Thời gian thực hiện dự án: Từ năm 2018 đến hết năm 2023.

2. Lý do điều chỉnh

Nút giao liên thông Đồng Thắng được Bộ Giao thông vận tải chấp thuận bổ sung vào dự án đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông đoạn Mai Sơn - QL.45 tại Công văn số 13887/BGTVT-CQLXD ngày 27/12/2021 và được Chủ tịch UBND tỉnh chấp thuận bổ sung vào dự án Đường từ Trung tâm thành phố Thanh Hóa nối với đường giao thông từ Cảng hàng không Thọ Xuân đi Khu kinh tế Nghi Sơn tại Công văn số 2827/UBND-CN ngày 03/3/2022, nhằm tăng tính kết nối giữa tuyến đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông với thành phố Thanh Hóa, Cảng hàng không quốc tế Thọ Xuân và các khu công nghiệp quan trọng của tỉnh.

Hiện nay, Bộ Giao thông vận tải đã phê duyệt điều chỉnh thiết kế cơ sở nút giao Đồng Thắng (Km335+400) thuộc Dự án thành phần đầu tư xây dựng đoạn

Mai Sơn - Quốc lộ 45 tại Quyết định số 500/QĐ-BGTVT ngày 15/4/2022 và trong quá trình thực hiện, dự án có điều chỉnh thiết kế một số hạng mục để phù hợp với địa chất, địa hình và tình hình thực tế phát triển kinh tế xã hội của địa phương. Do đó, việc điều chỉnh dự án là cần thiết và phù hợp quy định của pháp luật.

3. Nội dung điều chỉnh

- Bổ sung Nút giao liên thông Đồng Thắng kết nối dự án Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông đoạn Mai Sơn - Quốc lộ 45 với tuyến đường từ Trung tâm thành phố Thanh Hóa đi Cảng hàng không Thọ Xuân.

- Cập nhật các nội dung điều chỉnh trong quá trình thi công: Điều chỉnh đơn nguyên cầu sông Hoàng giai đoạn 2 (phía trái); bổ sung vượt nối đường vào Trung tâm xã Đồng Thắng, huyện Triệu Sơn tại Km7+088 và một số hạng mục điều chỉnh khác trong quá trình thi công dự án.

4. Giải pháp thiết kế bổ sung, điều chỉnh

4.1. Bổ sung nút giao liên thông Đồng Thắng

- Nút giao kết nối với tuyến đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông tại Km335+400, với tuyến đường từ Trung tâm thành phố Thanh Hóa nối với đường từ Cảng hàng không Thọ Xuân đi Khu kinh tế Nghi Sơn tại Km9+720.

- Nút dạng giao bằng, kết nối ra, vào tuyến đường từ Trung tâm thành phố Thanh Hóa nối với đường từ Cảng hàng không Thọ Xuân đi Khu kinh tế Nghi Sơn bằng các nhánh số 6, 7, 8; kết nối đến Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông bằng nhánh số 1 từ điểm tiếp nối với nhánh số 6 đến ranh trạm thu phí.

- Kết cấu áo đường nút giao thiết kế đảm bảo $E_{yc} \geq 195 \text{Mpa}$, mặt đường bằng bê tông nhựa chặt, móng bằng cấp phối đá dăm.

- Mặt cắt ngang nhánh số 6 gồm 02 chiều 02 làn xe với chiều rộng nền, mặt đường thay đổi từ (8,5-14,5)m; nhánh số 7, nhánh số 8 gồm 01 làn xe với chiều rộng nền đường $B_n=8\text{m}$, mặt đường $B_m=5,5\text{m}$; nhánh số 1 gồm 02 chiều 04 làn xe với chiều rộng nền đường $B_n=21,5\text{m}$ và mặt đường $B_m=19,5\text{m}$.

4.2. Điều chỉnh đơn nguyên cầu sông Hoàng (phía trái) giai đoạn 2

- Điều chỉnh cầu từ chéo một góc 50° thành vuông góc so với hướng dòng chảy.
- Dịch toàn cầu về phía cuối tuyến 18,55m và điều chỉnh sơ đồ nhịp cầu từ 21m+2x33m+21m thành 2x33m+2x21m.

4.3. Bổ sung nhánh giao vượt nối với đường vào xã Đồng Thắng

- Điều chỉnh nút giao tại Km7+088 từ ngã ba thành ngã tư; đồng thời, bổ sung vượt nối 170m từ Km7+088 bên trái tuyến kết nối với đường hiện trạng vào trung tâm xã Đồng Thắng, huyện Triệu Sơn.

- Mặt cắt ngang có chiều rộng nền đường $B_n=9\text{m}$, chiều rộng mặt đường $B_m=8\text{m}$ và có mở rộng làn tăng, giảm tốc độ theo quy định.

4.4. Cập nhật các nội dung điều chỉnh khác trong quá trình thi công

- Điều chỉnh bán kính rẽ từ tuyến chính kết nối ra Đường vành đai phía Tây của nhánh số 01 từ R=23m thành R=20m và bán kính rẽ của Đảo 1 từ R=32m thành R=31m.

- Điều chỉnh tim tuyến, rãnh dọc và chiều rộng nền đường đoạn từ Km0+075 - Km0+124 nhánh số 1 nút giao Km3+147,15 với đường huyện Đông Văn - Đông Yên để hạn chế giải phóng mặt bằng.

- Điều chỉnh chiều dày đào đất không thích hợp đoạn Km7+040,47 - Km7+200 và đoạn Km7+300 - Km7+442,37 phù hợp với chiều dày thực tế hiện trường.

- Điều chỉnh mở dải phân cách tại Km10+315 để bố trí vị trí qua đường sang khu vực nghĩa trang của UBND xã Đồng Lợi; chiều rộng điểm sang đường $B_n=B_m=5m$ và vuông góc với tuyến chính; kết cấu mặt đường bằng bê tông xi măng, móng bằng cấp phối đá dăm.

- Bổ sung gia cố lề, mái taluy tuyến chính; gia cố rãnh dọc giữa đường gom và tuyến chính để tăng tính ổn định của kết cấu công trình.

- Điều chỉnh, bổ sung vượt nối đường ngang dân sinh, hoàn trả cống thoát nước trên các đoạn vượt nối đường ngang; điều chỉnh phạm vi gia cố mái kênh các cầu B10, Ê Trường Tuế; điều chỉnh hướng tuyến đoạn đường gom từ Km9+459,24 - Km9+545,92 (PT); điều chỉnh vị trí, kích thước móng cột điện chiếu sáng, đường cáp ngầm chiếu sáng qua đường phạm vi nút giao cuối tuyến với đường Thọ Xuân - Nghi Sơn,... để phù hợp với thực tế.

(Chi tiết như hồ sơ thiết kế cơ sở điều chỉnh kèm theo)

5. Tổng mức đầu tư sau điều chỉnh: 1.484.970.000.000 đồng.

(Một nghìn bốn trăm tám mươi tư tỷ, chín trăm bảy mươi triệu đồng)

Đơn vị: Nghìn đồng.

STT	Nội dung chi phí	Tổng mức đầu tư theo QĐ số 5441/QĐ-UBND ngày 23/12/2019	Tổng mức đầu tư điều chỉnh	Tăng, giảm
1	Chi phí GPMB	530.485.000	530.485.000	-
2	Chi phí xây dựng	768.958.000	838.631.000	69.673.000
3	Chi phí quản lý dự án	8.368.000	7.307.000	-1.061.000
4	Chi phí tư vấn ĐTXD	29.390.000	30.696.000	1.306.000
5	Chi phí khác	63.610.000	39.760.000	-23.850.000
6	Chi phí dự phòng	84.159.000	38.091.000	-46.068.000
Tổng mức đầu tư		1.484.970.000	1.484.970.000	-

(Chi tiết có phụ lục kèm theo)

6. Các nội dung khác: Giữ nguyên như Quyết định số 4599/QĐ-UBND ngày 05/11/2019, số 5441/QĐ-UBND ngày 23/12/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh.

Điều 2. Sở Giao thông vận tải tổ chức thực hiện theo đúng các quy định hiện hành về đầu tư xây dựng, quản lý ngân sách và đầu tư công; tổ chức cắm cọc giải phóng mặt bằng và mốc quản lý phân đất xây dựng nút giao liên thông Đồng Thăng giai đoạn hoàn chỉnh để bàn giao cho UBND huyện Triệu Sơn thực hiện quản lý theo quy định.

Giao UBND huyện Triệu Sơn tổ chức thực hiện công tác giải phóng mặt bằng phần diện tích bổ sung và quản lý mặt bằng phạm vi nút giao giai đoạn hoàn chỉnh theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Giao thông vận tải; Kế hoạch và Đầu tư; Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hóa; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố: Đông Sơn, Triệu Sơn, Thanh Hóa và Thủ trưởng các ngành, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3-QĐ;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh (để b/c);
- Lưu: VT, CN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Mai Xuân Liêm

PHỤ LỤC: BẢNG TỔNG HỢP TỔNG MỨC ĐẦU TƯ ĐIỀU CHỈNH							
DỰ ÁN: ĐƯỜNG TỪ TRUNG TÂM THÀNH PHỐ THANH HÓA NỐI VỚI ĐƯỜNG GIAO THÔNG TỪ CẢNG HÀNG KHÔNG THỌ XUÂN ĐI KHU KINH TẾ NGHI SƠN							
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)							
						Đơn vị: Nghìn đồng	
STT	HẠNG MỤC CHI PHÍ	PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH			QUYẾT ĐỊNH SỐ 5441/QĐ-UBND NGÀY 23/12/2019	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ ĐIỀU CHỈNH	CHÊNH LỆCH
I	Chi phí bồi thường, hỗ trợ tái định cư				530.485.000	530.485.000	-
II	Chi phí xây dựng				768.958.000	838.631.000	69.673.000
1	Chi phí thi công xây dựng công trình đã duyệt						
-	Gói thầu số 04 - thi công xây dựng giai đoạn 1	Phụ lục hợp đồng số 09/2022/PLHD ngày 01/3/2022			768.958.000	407.371.214	-130.256.000
-	Gói thầu số 5a - thi công xây dựng giai đoạn 2	Phụ lục hợp đồng số 06/2022/PLHD ngày 16/5/2022				213.706.963	
-	Gói thầu số 10 - Hạng mục cầu Nô Hên và điện chiếu sáng	Hợp đồng số 09/2021/HĐXD ngày 26/3/2021				17.624.103	
2	Chi phí bổ sung nút giao liên thông Đồng Thắng (phạm vi kết nối dự án)	Dự toán chi tiết				29.928.690	29.928.690
3	Chi phí đầu tư nút giao (phạm vi kết nối với đường cao tốc) trường hợp Bộ GTVT không đầu tư	Khái toán				170.000.000	170.000.000
II	Chi phí Quản lý dự án	1,197%	x	610.433.142	8.368.000	7.307.000	-1.061.000
III	Chi phí Tư vấn đầu tư xây dựng				29.390.000	30.696.000	1.305.000
1	Chi phí khảo sát, lập dự án đầu tư xây dựng (bao gồm cả cấm cọc GPMB và MLG)	Quyết định số 806/QĐ-UBND ngày 05/3/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh			3.496.755	3.496.755	-
2	Chi phí khảo sát, lập điều chỉnh Báo cáo NCKT (gồm thiết kế cấm cọc GPMB và MLG)	Quyết định số 1026/QĐ-SGTVT ngày 01/10/2019 của Giám đốc Sở GTVT			3.427.882	3.427.882	-
3	Cấm cọc GPMB giai đoạn 2 và MLG điều chỉnh	Quyết định số 1292/QĐ-SGTVT ngày 11/12/2020 của Giám đốc Sở GTVT			500.000	584.167	84.167
4	Chi phí khảo sát, lập thiết kế BVTC (giai đoạn 1)	Quyết định số 806/QĐ-UBND ngày 05/3/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh			3.645.564	3.645.564	-
5	Chi phí khảo sát, lập thiết kế BVTC, dự toán hạng mục điều chỉnh tuyến đường ngang	Quyết định số 799/QĐ-SGTVT ngày 30/7/2019 của Giám đốc Sở GTVT			206.417	206.417	-
6	Chi phí khảo sát, lập thiết kế BVTC giai đoạn 2 (gồm điều chỉnh giai đoạn 1) và dự toán	Quyết định số 1089/QĐ-SGTVT ngày 21/9/2020 của Giám đốc Sở GTVT			8.646.000	6.951.065	-1.694.935
7	Chi phí lập nhiệm vụ, giám sát khảo sát lập dự án đầu tư, bước thiết kế BVTC (giai đoạn 1)	Quyết định số 806/QĐ-UBND ngày 05/3/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh			205.196	205.196	-
8	Chi phí lập nhiệm vụ, giám sát khảo sát bước lập điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi	Quyết định số 822/QĐ-SGTVT ngày 07/8/2019 của Giám đốc Sở GTVT			129.579	129.579	-
9	Chi phí lập nhiệm vụ, giám sát khảo sát bước lập BVTC hạng mục điều chỉnh tuyến đường ngang	Quyết định số 799/QĐ-SGTVT ngày 30/7/2019 của Giám đốc Sở GTVT			5.660	5.660	-
10	Chi phí lập nhiệm vụ, giám sát khảo sát bước BVTC giai đoạn 2 (gồm điều chỉnh giai đoạn 1)	Quyết định số 2856/QĐ-UBND ngày 21/7/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh			96.205	140.455	44.250
11	Chi phí giám sát công tác cấm cọc GPMB, MLG, biên chỉ dẫn mặt cắt ngang quy hoạch	Quyết định số 806/QĐ-UBND ngày 05/3/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh			22.226	22.226	-
12	Chi phí khảo sát, lập BC đánh giá tác động môi trường dự án				332.430	332.430	-
13	Chi phí giám sát hạng mục điện chiếu sáng	Quyết định số 2856/QĐ-UBND ngày 21/7/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh			157.088	375.922	218.834

STT	HẠNG MỤC CHI PHÍ	PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH			QUYẾT ĐỊNH SỐ 5441/QĐ-UBND NGÀY 23/12/2019	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ ĐIỀU CHỈNH	CHÊNH LỆCH
14	Chi phí giám sát xây dựng công trình						
-	Gói thầu số 04 - thi công xây dựng giai đoạn 1	1,102%	x	389.675.077	6.257.000	4.294.219	1.081.146
-	Gói thầu số 5a - thi công xây dựng giai đoạn 2	2,868%	x	16.662.788		477.889	
-	Gói thầu số 10 - Hạ tầng cầu Nô Hên và điện chiếu sáng	1,270%	x	202.050.219		2.566.038	
15	Chi phí thẩm tra an toàn giao thông trước khi đưa công trình vào khai thác	Quyết định số 129/QĐ-SGTVT ngày 26/02/2021 của Giám đốc Sở GTVT			200.000	176.490	-23.510
16	Chi phí thẩm tra thiết kế BVTC giai đoạn 2 (bao gồm cả điều chỉnh giai đoạn 1)	Quyết định số 2856/QĐ-UBND ngày 21/7/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh			285.261	235.015	-50.246
17	Chi phí thẩm tra dự toán giai đoạn 2 (bao gồm cả điều chỉnh giai đoạn 1)				270.507	220.772	-49.735
18	Chi phí lập KH bảo vệ môi trường giai đoạn 2	Quyết định số 955/QĐ-SGTVT ngày 06/9/2019 của Giám đốc Sở GTVT			163.030	163.030	-
19	Chi phí quan trắc môi trường trong thi công	Quyết định số 127/QĐ-SGTVT ngày 26/02/2021 của Giám đốc Sở GTVT			200.000	196.400	-3.600
20	Chi phí điều chỉnh biển báo MCN quy hoạch	Hợp đồng số 01/2020/HĐXD ngày 30/11/2020			100.000	100.000	-
21	Chi phí lập HSMT, đánh giá HSDT các gói thầu xây dựng (bao gồm cả bảo hiểm)	Quyết định số 2856/QĐ-UBND ngày 21/7/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh			200.000	200.000	-
22	Chi phí lập HSMT, đánh giá HSDT các gói thầu tư vấn đầu tư				44.000	40.264	-3.736
23	Chi phí kiểm định đánh giá chất lượng công trình				800.000	800.000	-
24	Chi phí tư vấn nút giao liên thông Đồng Thăng					1.702.192	1.702.192
-	Lập điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi	Quyết định số 599/QĐ-SGTVT ngày 11/5/2022 của Giám đốc Sở GTVT				57.900	57.900
-	Chi phí khảo sát bước thiết kế BVTC	Tạm tính				200.000	200.000
-	Chi phí lập thiết kế BVTC và dự toán	1,494%	x	30.000.000		448.200	448.200
-	Chi phí lập nhiệm vụ và giám sát khảo sát bước thiết kế BVTC	7,072%	x	181.818,18		12.858	12.858
-	Chi phí lập HSMT, đánh giá HSDT các gói thầu xây dựng	0,216%	x	30.000.000			0
-	Chi phí cắm cọc GPMB và Mốc lộ giới	Tạm tính				200.000	200.000
-	Chi phí giám sát thi công xây dựng	2,617%	x	29.928.690		783.234	783.234
IV	Chi phí khác				63.610.000	39.760.000	-23.850.000
1	Chi phí kiểm toán dự án hoàn thành	0,126%	x1,1x	1.219.727.500	3.431.000	1.690.542	-1.740.458
2	Chi phí Thẩm tra, phê duyệt quyết toán	0,088%	x 0,5 x	1.219.727.500	1.084.000	536.680	-547.320
3	Chi phí bảo hiểm công trình						
-	Gói thầu số 04 - thi công xây dựng giai đoạn 1	Phụ lục hợp đồng số 09/2022/PLHĐ ngày 01/3/2022			2.312.000	1.104.991	-534.947
-	Gói thầu số 5a - thi công xây dựng giai đoạn 2	Phụ lục hợp đồng số 06/2022/PLHĐ ngày 16/5/2022				627.062	
-	Gói thầu số 10 - Hạ tầng cầu Nô Hên và điện chiếu sáng	Hợp đồng số 09/2021/HĐXD ngày 26/3/2021				45.000	
4	Chi phí bảo hiểm công trình bổ sung nút giao Đồng Thăng	0,25%	x	30.000.000		75.000	75.000

STT	HẠNG MỤC CHI PHÍ	PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH			QUYẾT ĐỊNH SỐ 5441/QĐ-UBND NGÀY 23/12/2019	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ ĐIỀU CHỈNH	CHÊNH LỆCH
5	Chi phí rà phá bom mìn giai đoạn 1	Quyết định số 2856/QĐ-UBND ngày 21/7/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh			4.855.000	1.927.000	-1.508.610
6	Chi phí rà phá bom mìn giai đoạn 2	Quyết định số 3446/QĐ-UBND ngày 21/8/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh				1.419.390	
7	Phí thẩm định báo cáo đánh giá môi trường	Quyết định số 2856/QĐ-UBND ngày 21/7/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh			66.000	66.000	-
8	Phí thẩm định dự án đầu tư và điều chỉnh dự án				99.000	99.394	394
9	Phí thẩm định thiết kế BVTC (gồm cả giai đoạn 1)				256.000	119.360	-136.640
10	Phí thẩm định dự toán (gồm cả giai đoạn 1)				242.000	112.982	-129.018
11	Phí thẩm định thiết kế, dự toán hạng mục điện	Quyết định số 806/QĐ-UBND ngày 05/3/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh			28.000	15.106	28.306
12	Phí thẩm định thiết kế, dự toán điện điều chỉnh	Công văn số 1177/SCT-QLĐN ngày 19/5/2020 của Sở Công thương				41.200	
13	Chi phí kiểm tra của Cơ quan chuyên môn	Quyết định số 5441/QĐ-UBND ngày 23/12/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh			177.000	177.000	-
14	Chi phí thẩm định HSMT và Kết quả LCNT các gói thầu xây lắp thuộc dự án	Quyết định số 2856/QĐ-UBND ngày 21/7/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh			200.000	200.000	-
15	Chi phí thẩm định HSMT và Kết quả LCNT các gói thầu tư vấn thuộc dự án				21.000	20.132	-868
16	Chi phí cho hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị của nhà thầu về kết quả lựa chọn nhà thầu				100.000	100.000	-
17	Thuế tài nguyên, phí bảo vệ môi trường				8.243.000	2.845.456	-5.397.544
18	Chi phí hạng mục chung				42.496.000	28.537.754	-13.958.246
-	Chi phí nhà tạm tại hiện trường để ở và điều hành thi công tại hiện trường	2,00%	x	638.702.279	15.380.000	12.774.046	-2.605.954
-	Chi phí công việc thuộc hạng mục chung không xác định được khối lượng	2,00%	x	638.702.279	15.379.000	12.774.046	-2.604.954
-	Chi phí đảm bảo ATGT khi thi công	Hợp đồng số 02/2019/HĐXD ngày 15/5/2019			971.000	600.000	-371.000
-	Chi phí hoàn trả các công trình bị ảnh hưởng				9.811.000	1.939.662	-7.871.338
-	Chi phí đường dây, trạm biến áp phục vụ thi công Gói thầu số 04 - thi công xây dựng giai đoạn 1	Hợp đồng số 02/2019/HĐXD ngày 15/5/2019			450.000	225.000	-
-	Chi phí đường dây, trạm biến áp phục vụ thi công Gói thầu số 5a - thi công xây dựng giai đoạn 2	Hợp đồng số 01/2020/HĐXD ngày 30/11/2020				225.000	
-	Chi phí hạng mục chung điện chiếu sáng	Quyết định số 806/QĐ-UBND ngày 05/3/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh			505.000	-	-505.000
V	Chi phí dự phòng (không bao gồm GPMB)				84.159.000	38.091.000	-46.068.000
1	Dự phòng cho phát sinh khối lượng	1,29%	x	I+II+III+IV	65.101.000	11.790.000	-53.311.000
2	Dự phòng cho yếu tố trượt giá	2,87%	x	I+II+III+IV	19.058.000	26.301.000	7.243.000
	TỔNG CỘNG	I+II+III+IV+V			1.484.970.000	1.484.970.000	-